

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải

Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T; nơi cư trú: Số 6/18 C, phường C, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Đoàn Thị Lan A; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6/18 C, phường C, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 5/93/152 C, phường D, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Anh Nguyễn Quốc T và chị Đoàn Thị Lan A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 31/12/2004. Đến nay

có hai con chung là Nguyễn Đoàn Bảo H, sinh ngày 27/7/200A và Nguyễn Đoàn Gia H, sinh ngày 18/4/201B.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống luôn căng thẳng, nặng nề. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn. Cũng từ cuối năm 2015 đến nay hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Đến nay anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lan A.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đoàn Bảo H, sinh ngày 27/7/200A và Nguyễn Đoàn Gia H, sinh ngày 18/4/201B. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết giao con lớn là Nguyễn Đoàn Bảo H cho anh T và giao con nhỏ Nguyễn Đoàn Gia H cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T trình bày hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị Lan A vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lan A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lan A kết hôn với anh T từ năm 2004 trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con, chị nhiều lần phải trả nợ cho anh T với số tiền rất lớn. Bên cạnh đó còn có những mâu thuẫn với gia đình chồng nên đầu năm 2016 chị phải ra ngoài thuê nhà ở, nhưng anh T không ra ngoài ở với chị. Tuy nhiên đến nay chị xác định vẫn còn tình cảm với chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đoàn Bảo H, sinh ngày 27/7/200A và Nguyễn Đoàn Gia H, sinh ngày 18/4/201B. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị đồng ý giao con lớn là Nguyễn Đoàn Bảo H cho anh T, chị nhận nuôi con nhỏ Nguyễn Đoàn Gia H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai ngày 27/9/2018 chị Lan A đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng là 01 mảnh đất tại thị trấn N, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng và 01 xe ô tô tải mang tên hai vợ chồng. Tòa án yêu cầu chị Lan A cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu

khởi kiện của mình nhưng chị Lan A không cung cấp tài liệu nào, do vậy tại các buổi hòa giải lần 2, lần 3 chị Lan A không có ý kiến gì về vấn đề tài sản chung.

Tại các biên bản xác minh và biên bản làm việc với đại diện hai bên gia đình anh T và chị Lan A đều xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị Lan A nảy sinh từ khoảng cuối năm 2015, đầu năm 2016. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng, bị đơn không chấp hành các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Quốc T và chị Đoàn Thị Lan A kết hôn từ năm 2004 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng 31/12/2004 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau không chung thủy nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh T và chị Lan A ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh T và chị Lan A có hai con chung là Nguyễn Đoàn Bảo H, sinh ngày 27/7/200A và Nguyễn Đoàn Gia H, sinh ngày 18/4/201B. Các bên thỏa thuận giao con lớn là Nguyễn Đoàn Bảo H cho anh T và giao con nhỏ Nguyễn Đoàn Gia H cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp, cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu về tài sản chung nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự thể hiện: Chị Đoàn Thị Lan A đăng ký thường trú tại: Số 6/18 C, phường C, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số 5/93/152 C, phường D, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự,

vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T và bị đơn là chị Đoàn Thị Lan A thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là chị Đoàn Thị Lan A vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Bởi vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đoàn Thị Lan A.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Đoàn Thị Lan A kết hôn từ năm 2004 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng 31/12/2004 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống: Hai bên cùng trình bày thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại hai bên gia đình, nơi cư trú của anh T và chị Lan A cho thấy mâu thuẫn chính là do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, chị Lan A nghi ngờ anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác không có trách nhiệm với gia đình nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, căng thẳng. Ngoài ra, kinh tế gia đình khó khăn càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không hòa giải được. Từ cuối năm 2015 đến nay hai bên đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, quan hệ vợ chồng trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, anh T yêu cầu được ly hôn chị Lan A là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Anh T và chị Lan A có hai con chung là Nguyễn Đoàn Bảo H, sinh ngày 27/7/200A và Nguyễn Đoàn Gia H, sinh ngày 18/4/201B. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thỏa thuận được cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết giao con lớn là Nguyễn Đoàn Bảo H cho anh T và giao con nhỏ Nguyễn Đoàn Gia H cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của các bên là phù hợp với thực tế, phù hợp nguyện vọng của cháu Bảo H và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Anh T và chị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Quốc T được ly hôn chị Đoàn Thị Lan A

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Đoàn Bảo H, sinh ngày 27/7/200A cho anh Nguyễn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Đoàn Gia H, sinh ngày 18/4/201B cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012767 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q. Lê Chân;
- UBND p.Cầu Đất, Q. NQ, HP;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Linh

